

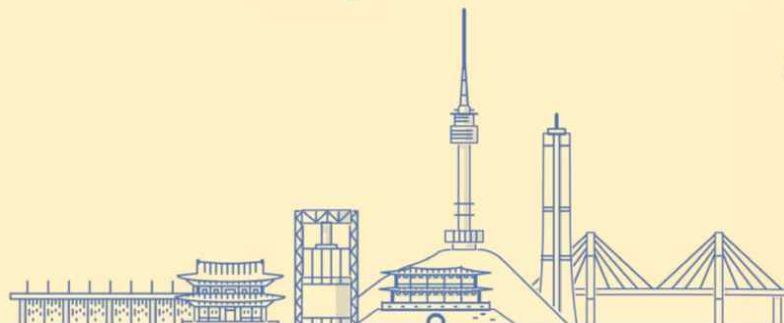
# OPEN YOUR FUTURE

CHUNG-ANG UNIV.

YEAR 2026 SEPTEMBER 09

Hướng dẫn tuyển sinh  
đại học năm 2026  
Dành cho sinh viên quốc tế

2026학년도 9월 입학  
순수외국인전형 모집요강



# THE GLOBAL CAREER

Hãy thử sức ngay tại Đại học Chung-Ang!

Trường Đại học Chung-Ang đào tạo những nhân tài có phẩm chất của nhà lãnh đạo xã hội và kiến thức chuyên môn cần thiết cho sự phát triển quốc gia, dựa trên thế giới quan cởi mở nhằm đóng góp cho dân tộc và sự thịnh vượng của nhân loại.

Sân bay Incheon



Trường Đại học Chung-Ang

## 2024 ACHIEVEMENTS

Đánh giá thành tích

Xếp hạng cao nhất trong Dự án Đổi mới Đại học

**26** tỷ won

Thu hút ngân sách nghiên cứu

2 năm liên tiếp xếp hạng 5 trong các trường đại học tư thực tổng hợp

hạng **5**

Nghiên cứu toàn cầu

Dự án Phòng thí nghiệm Nghiên cứu Cơ bản của Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tin

**6.8** tỷ won

Dự án đặc thù

8 năm liên tiếp được hỗ trợ phát triển Trung tâm ICT

**15** tỷ won

Ứng phó với khủng hoảng khí hậu

Đạt hạng 1 khu vực Seoul trong đánh giá của Trung tâm Biến đổi Khí hậu

Đạt hạng **1**

Dự án BK21

Được chọn 18 dự án trong 3 năm (toàn quốc)

Xếp hạng **6**

Kỳ thi chứng chỉ chuyên môn

Xếp hạng 3 toàn quốc về tỷ lệ đầu kỳ thi Luật sư trong vòng 10 năm / Đã có 816 người đỗ kỳ thi CPA

**816** người đã đỗ

Nghiên cứu hợp tác

Đạt nhiều thành tựu xuất sắc trong các thỏa thuận hợp tác với viện nghiên cứu trực thuộc chính phủ

Kết quả nổi bật

# CREATIVE LEADER



# 7 lý do nên chọn Đại học Chung-Ang (CAU)

Đại học Chung-Ang là trường đại học được Bộ Giáo dục Hàn Quốc công nhận có năng lực quốc tế hóa xuất sắc. Trường cung cấp hệ thống quản lý chặt chẽ và dịch vụ hỗ trợ phù hợp dành riêng cho sinh viên quốc tế, giúp bạn có một cuộc sống du học thành công.



## 01 Hỗ trợ tâm lý & đời sống

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý chuyên biệt cho du học sinh gặp khó khăn trong giao tiếp tiếng Hàn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc liên quan đến đời sống đại học
- Vận hành Trung tâm Cộng đồng Toàn cầu
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ thay mặt thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất nhập cảnh

## 02 Hỗ trợ việc làm & định hướng nghề nghiệp

- Cung cấp các buổi đặc biệt về việc làm và thông tin tuyển dụng
- Chương trình hỗ trợ việc làm tại Hàn Quốc và hỗ trợ học tập sau giờ học

## 03 Chương trình hỗ trợ học tập chuyên ngành dành cho du học sinh

- Liên kết với giáo sư chủ nhiệm, nhà nghiên cứu chuyên môn, trợ giảng và tiền bối theo từng khoa để hỗ trợ học tập cho du học sinh
- Vận hành chương trình mentoring

## 04 Chế độ học bổng dành cho du học sinh xuất sắc

- Tuyển chọn những du học sinh xuất sắc đã từng theo học tại CAU
- Là những người hỗ trợ nhiệt tình từ tư vấn tuyển sinh đến học tập và đời sống cho các du học sinh mới

## 05 Vận hành chương trình trao đổi quốc tế

- Cơ hội học tập trao đổi tại hơn 700 trường đại học đối tác trên toàn thế giới trong một hoặc hai học kỳ

## 06 Chương trình thích nghi văn hóa

- Cung cấp thông tin cần thiết về cuộc sống tại Hàn Quốc
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa và kết nối
- Tạo cơ hội giao lưu với sinh viên Hàn Quốc

## 07 DNA sáng tạo dẫn đầu K-Culture

- Khẳng định năng lực cạnh tranh quốc tế, bao gồm người Hàn Quốc đầu tiên nhận giải Pulitzer
- Nghệ sĩ Đại học Chung-Ang giành giải tại các liên hoan phim quốc tế như Cannes, Moscow
- Cái nôi của làn sóng Hallyu - nơi đào tạo các đạo diễn, nhà sản xuất và diễn viên hàng đầu Hàn Quốc

# Đơn vị học thuật toàn cầu mới thành lập

Đại học Chung-Ang một lần nữa tiên phong đi đầu!

Thành lập khoa mới dành riêng cho du học sinh quốc tế!

01

## Khoa Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc

Ngành Sư phạm tiếng Hàn & Văn hóa Hàn Quốc

Nhà lãnh đạo toàn cầu trong kỹ nguyên văn hóa Hallyu!

Sinh viên sẽ được theo học chương trình có hệ thống về giáo dục tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc, từ đó phát triển thành chuyên gia giáo dục tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc toàn cầu – những người đóng vai trò quan trọng trong thời đại văn hóa Hallyu.

- Vận hành chương trình đào tạo chuyên biệt dành riêng cho du học sinh quốc tế.
- Có thể nhận chứng chỉ giáo viên tiếng Hàn sau khi hoàn thành chương trình chuyên ngành.

02

## Khoa Quảng cáo & Quan hệ công chúng

Chuyên ngành Quảng cáo & PR Toàn cầu

Thương hiệu chuyên ngành PR hàng đầu Hàn Quốc!

Chương trình đào tạo được thiết kế dành riêng cho sinh viên quốc tế, phản ánh mối quan tâm toàn cầu và xu hướng hiện đại, giúp bạn trở thành chuyên gia trong lĩnh vực quảng cáo, PR và marketing toàn cầu.

- Chương trình học mang tính thực tiễn cao, tích hợp đa dạng yếu tố văn hóa như: sáng tạo quảng cáo quốc tế, truyền thông marketing toàn cầu, chiến lược xây dựng thương hiệu quốc tế và chiến lược truyền thông kỹ thuật số.
- Tăng cường kỹ năng thực tế thông qua việc phân tích các chiến dịch marketing toàn cầu điển hình

03

## Khoa Global Interactive Convergence Content

Đào tạo nhân tài tiên phong cho ngành game!

Đào tạo nhân tài có năng lực lập kế hoạch và phát triển game dựa trên các công nghệ tiên tiến như AI, VR/AR, đồng thời có thể phát triển trở thành quản lý dự án (PM) và nhà quản lý trong ngành công nghiệp game toàn cầu.

- Chương trình đào tạo hợp tác với các công ty game doanh nghiệp trong ngành và toàn cầu, kết hợp mô hình giáo dục giải quyết vấn đề (PBL) nhằm bồi dưỡng nhân tài sáng tạo.
- Bên cạnh các lớp học về công nghệ như AI, VR/AR, chương trình còn bao gồm khóa thực tập tại công ty game và đào tạo khởi nghiệp, hướng tới phát triển những nhà lãnh đạo tương lai của ngành công nghiệp game.

# NUMBER OF CAU

## CAU CÙNG NHỮNG CON SỐ

Thành tựu của CAU  
thể hiện tầm ảnh hưởng  
toàn cầu đang tăng lên



Tỷ lệ sinh viên  
nhận học bổng

**47.6** %

Chỉ tính sinh viên quốc tế



Đối tác quốc tế

**686** đối tác

đến từ **74** quốc gia



Xếp hạng theo ngành  
của QS năm 2025

Hạng **51**

Quản lý Thông tin Thư viện (Library and Information Management),  
Chính sách Xã hội và Hành chính (Social Policy and Administration),  
Kỹ thuật Dầu khí (Petroleum Engineering), Điều dưỡng (Nursing)

Hạng **151**

Kiến trúc (Architecture),  
Ngôn ngữ học (Linguistics)



Xếp hạng các trường đại học  
QS 2026: Khu vực Châu Á

Hạng **65**



Trường đại học đạt chứng nhận  
IEQAS trong 3 năm liên tiếp

**2023, 2024,  
2025**

Hệ thống Đảm bảo Chất  
lượng Giáo dục Quốc tế

Số lượng sinh viên  
quốc tế



Đại học **2,851**

Thạc sĩ **758**

Tiến sĩ **252**

Tổng cộng **3,861**

## Mục lục

□ Tất tần tật về Thông tin Tuyển sinh năm 2026 .....	3		
<b>I. Thông tin tuyển sinh cho sinh viên quốc tế .....</b>	<b>4</b>		
1. Đợt 2 Kỳ mùa Thu năm 2026 .....	6	4. Thủ tục xin Visa (D-2) .....	19
1.1. Khoa và ngành đào tạo .....	6	5. Đăng ký “Giấy báo nhập học” .....	19
1.2. Điều kiện ứng tuyển .....	9	6. Giấy tờ cần thiết để đăng ký “Giấy báo nhập học” .....	20
1.3. Phương pháp xét tuyển .....	9	6.1. Hồ sơ Chứng minh tài chính .....	20
1.4. Thời gian nộp hồ sơ .....	10	6.2. Tài liệu chứng minh học lực cao nhất .....	20
1.5. Bài thi thực hành .....	11	6.3. Phương pháp xác thực từng loại tài liệu chứng minh học lực cao nhất .....	21
1.6. Cách thức tiếp nhận hồ sơ .....	14	7. Danh sách các trường đại học được công nhận chứng chỉ tiếng Hàn .....	22
1.7. Phí xét tuyển .....	14	8. Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online .....	22
1.8. Hồ sơ cần thiết .....	15	<b>II. Đời sống sinh viên .....</b>	<b>23</b>
1.9. Lưu ý về hồ sơ .....	16	1. Liên hệ .....	24
<b>2. Tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn và Thông tin về chương trình dự bị tiếng Hàn .....</b>	<b>17</b>	2. Ký túc xá .....	25
2.1. Quy trình nhập học lớp dự bị tiếng Hàn .....	17	2.1. Ký túc xá cơ sở Seoul .....	25
2.2. Yêu cầu về năng lực tiếng Hàn để nhập học đại học .....	17	2.2. Ký túc xá cơ sở Anseong .....	27
2.3. Lưu ý cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn ..	17	3. Bản đồ campus .....	29
<b>3. Học bổng và Học phí .....</b>	<b>18</b>		
3.1. Kỳ đầu tiên .....	18		
3.2. Từ kỳ thứ 2 trở đi .....	18		
3.3. Học phí (năm 2026) .....	18		

Bản hướng dẫn tuyển sinh này được biên soạn bằng tiếng Hàn và một số ngôn ngữ khác. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Hàn và các bản bằng ngôn ngữ khác, vui lòng ưu tiên áp dụng bản tiếng Hàn.

“

## TẮT TẦN TẬT VỀ THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 ”

”

- Thay đổi mới về thông tin tuyển sinh: Tuyển sinh ngành mới thành lập và một số điều chỉnh ngành tuyển sinh hiện có.

2025	2026	Ghi chú
Ngành Ngôn ngữ, & Văn học Hàn Quốc	Ngành Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc và Ngành Sư phạm tiếng Hàn-Văn hóa Hàn Quốc* trực thuộc Khoa Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc	
Ngành Quảng cáo & Quan hệ Công chúng	Ngành Quảng cáo & PR Toàn cầu* thuộc Khoa Quảng cáo & Quan hệ Công chúng	
Mới thành lập	Khoa Global Interactive Convergence Content*	100% bằng tiếng Anh

- ※ Đây là khoa chuyên biệt mới được thành lập dành riêng cho sinh viên nước ngoài và chỉ tuyển sinh đối với sinh viên nước ngoài.

### Phương pháp xét tuyển

Khối ngành/Khoa (Ngành)	Cách thức tính điểm	Phương pháp xét tuyển và tỉ lệ
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên, Bách khoa, Kỹ thuật Sáng tạo ICT, Công nghệ thông tin, Kinh doanh Kinh tế, Hội tu ảo, Công nghệ sinh học, Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang, Nghệ thuật & Công nghệ	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 100%
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 50% + Thi thực hành (Portfolio) 50%

### Một số thông tin cơ bản

	Chi tiết	Ghi chú
Có 4 đợt ứng tuyển trong một năm	Kỳ nhập học	Thời gian nộp hồ sơ
	Kỳ mùa Xuân	Tháng 9, tháng 11
	Kỳ mùa Thu	Tháng 3, tháng 6
Được phép đăng ký 2 nguyện vọng	Có thể đăng ký 2 ngành cùng một lúc	Những ngành thuộc các khoa sau chỉ được đăng ký ở nguyện vọng 1: Khoa Nghệ thuật, Khoa Khoa học Thể dục
Khóa học tiếng dành cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn	Những sinh viên đã vượt qua kỳ tuyển sinh nếu chưa đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn sẽ được học chuyên ngành SAU KHI hoàn thành chương trình tiếng Hàn tại trường.	Yêu cầu về trình độ tiếng Hàn: Tham khảo thông tin của mỗi khoa
Sáu chuyên ngành chứng nhận kỹ thuật ABEEK	Kỹ thuật xây dựng & môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện và điện tử, Công nghệ thông tin, Ngành Kiến trúc công nghiệp	Sau khi nhập học, sinh viên có thể chọn lấy chứng chỉ kỹ thuật.

- ※ Chứng chỉ kỹ thuật (ABEEK) là chứng chỉ giáo dục được quốc tế công nhận, đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình này có đủ kiến thức để bước vào ngành kỹ thuật thực tiễn.
- ※ Có thể đăng ký tối đa 2 ngành (nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2). Việc xét tuyển nguyện vọng 2 chỉ được tiến hành nếu không trúng tuyển nguyện vọng 1 và không thể trúng tuyển đồng thời cả hai nguyện vọng.

■ Thời gian biểu cho đợt xét tuyển hồ sơ Kỳ mùa Thu năm 2026 (Đợt 2)

Đợt 2	
Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ	Từ thứ 2 01/06/2026 đến thứ 6, 12/06/2026
Bài thi thực hành của Khối ngành Nghệ thuật	Thứ 7, 20/06/2026
Thông báo danh sách sinh viên trúng tuyển	Thứ 6, 03/07/2026

■ Quá trình tuyển sinh cho sinh viên quốc tế



※ Hạng mục cần chú ý

- Tất cả các điều khoản trong thông báo này sẽ không được thông báo riêng cho từng ứng viên, vì vậy ứng viên cần phải đọc và hiểu rõ nội dung trước khi nộp hồ sơ. Nếu có điều gì bất lợi xảy ra do ứng viên không nắm kỹ hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học, ứng viên phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.
- Điểm thi và nội dung đánh giá của kỳ tuyển sinh sẽ không được công khai.
- Nội dung không được ghi trong thông báo này sẽ theo quyết định của Ủy ban quản lý tuyển sinh cho sinh viên quốc tế của trường.
- Thí sinh trúng tuyển cần hoàn tất việc nộp học phí trong thời gian quy định, nếu thí sinh không nộp học phí đúng thời hạn sẽ bị hủy bỏ quyết định nhập học.
- Thí sinh trúng tuyển sau khi nộp học phí tại trường không thể đăng ký nhập học trường đại học khác và chỉ có thể đăng ký nhập học trường đại học khác sau khi hoàn thành thủ tục hủy kết quả nhập học tại đây.
- Nếu thí sinh trúng tuyển không được cấp thị thực hoặc không đáp ứng đủ điều kiện để cấp thị thực sẽ bị hủy bỏ quyết định nhập học. Học phí đã nộp sẽ được hoàn trả lại theo quy định của nhà trường.
- Những thí sinh trúng tuyển nộp thiếu hồ sơ, cung cấp thông tin sai sự thật, làm giả hồ sơ, làm sai lệch thông tin, thi hộ,... và có các hành vi gian lận khác sẽ bị đánh trượt mà không cần xem xét đến điểm số. Nếu bị phát hiện, quyết định nhập học vẫn có thể bị hủy bỏ ngay cả khi thí sinh đã trúng tuyển.

## I . Thông tin tuyển sinh cho sinh viên quốc tế

---

- Đợt 2 Kỳ mùa Thu năm 2026
- Tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn và Thông tin về chương trình dự bị tiếng Hàn
- Học bổng và Học phí
- Thủ tục xin Visa (D-2)
- Đăng ký “Giấy báo nhập học”
- Giấy tờ cần thiết để đăng ký “Giấy báo nhập học”
- Danh sách các trường đại học được công nhận chứng chỉ tiếng Hàn
- Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online

# 1 ĐỢT 2 KỲ MÙA THU NĂM 2026

## 1. Khoa và ngành đào tạo

Khoa và ngành đào tạo		Cơ sở	Tân sinh viên	Chuyển tiếp (năm 2/năm 3)	Thi thực hành/Portfolio	Đăng ký ở nguyện vọng 2	
Khối	Khoa/Ngành						
Nhân văn	Ngành Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc	Seoul	X	O	Không tiến hành	Có thể	
	Khoa Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc		Ngôn ngữ & Văn học Hàn Quốc	O			X
			Ngành Sư phạm tiếng Hàn-Văn hóa Hàn Quốc <sup>1</sup>	O			X
	Khoa Ngôn ngữ & Văn học Anh		O	O			
	Khoa Văn hóa Châu Âu		Ngành Ngôn ngữ & Văn học Đức	O			O
			Ngành Ngôn ngữ & Văn học Pháp	O			O
			Ngành Ngôn ngữ & Văn học Nga	O			O
	Khoa Đông phương học		Ngành Ngôn ngữ & Văn học Nhật Bản	O			O
			Ngành Ngôn ngữ & Văn học Trung Quốc	O			O
	Khoa Triết học		O	O			
Khoa Lịch sử		O	O				
Khoa học Xã hội	Khoa Chính trị & Quan hệ Quốc tế		O	O			
	Khoa Hành chính công		O	O			
	Khoa Tâm lý học		O	O			
	Khoa học Thông tin & Thư viện		O	O			
	Khoa Phúc lợi Xã hội		O	O			
	Khoa Truyền thông		O	O			
	Khoa Xã hội học		O	O			
Kinh doanh – Kinh tế	Khoa Quản trị Kinh doanh	Ngành Quản trị Kinh doanh	O	O			
	Khoa Kinh tế		O	O			
	Khoa Thống kê Ứng dụng		O	O			
	Khoa Quảng cáo & Quan hệ Công chúng	Quảng cáo & PR Toàn cầu <sup>1</sup>	O	X			
	Khoa Logistics Quốc tế		O	O			
Hội tự ảo	[ENG] Global Interactive Convergence Content <sup>1,6</sup>		O	X			
Khoa học Tự nhiên	Khoa Vật lý		O	O			
	Khoa Hóa học		O	O			
	Khoa Sinh học		O	O			
	Khoa Toán học		O	O			

Khoa và ngành đào tạo			Cơ sở	Tân sinh viên	Chuyển tiếp (năm 2/năm 3)	Thi thực hành/Portfolio	Đăng ký ở nguyện vọng 2
Khối	Khoa/Ngành						
Bách khoa	Khoa Kiến trúc <sup>2</sup>	Ngành Kiến trúc công nghiệp (4 năm) <sup>3</sup>	Seoul	O	O	Không tiến hành	Có thể
		Ngành Kiến trúc (5 năm)		O	X		
	Khoa Kỹ thuật Cơ khí <sup>3</sup>			O	O		
	Khoa Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	Kỹ thuật Xây dựng & Môi trường <sup>3</sup>		O	O		
	Xây dựng & Môi trường	Ngành Thiết kế & Nghiên cứu Đô thị		O	O		
	Kỹ thuật Hóa học <sup>3</sup>			O	O		
Kỹ thuật Sáng tạo ICT	Kỹ thuật Điện & Điện tử <sup>3</sup>		O	O			
Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin <sup>3</sup>		O	O			
Công nghệ sinh học	Khoa Công nghệ Tài nguyên Sinh học	Ngành Công nghệ Sinh học Động vật	Da Vinci (Anseong)	O	O	Không tiến hành	Có thể
		Ngành Công nghệ Sinh học Thực vật		O	O		
	Khoa Công nghệ thực phẩm	Ngành Công nghệ thực phẩm		O	O		
		Ngành Thực phẩm dinh dưỡng		O	O		
Nghệ thuật	Khoa Thiết kế	Thủ công mỹ nghệ	Da Vinci (Anseong)	O	O	Portfolio	Không thể
		Thiết kế Công nghiệp					
		Thiết kế Trực quan					
		Thiết kế Nhà ở & Nội thất <sup>4,5</sup>					
		Thời trang <sup>4</sup>					
	Phát thanh Truyền hình & Giải trí	O		O	Portfolio		
Khoa Nghệ thuật Toàn cầu	Âm nhạc Ứng dụng						
	Game Contents & Animations						
Thể thao	Khoa học Thể dục	O	O	Portfolio			

Khoa và ngành đào tạo		Cơ sở	Tân sinh viên	Chuyển tiếp (năm 2/năm 3)	Thi thực hành/Portfolio	Đăng ký ở nguyện vọng 2
Khối	Khoa/Ngành					
Thể dục	Thể thao & Giải trí/Công nghiệp Thể thao					
Nghệ thuật & Công nghệ	Nghệ thuật & Công nghệ		O	X	Không tiến hành	Có thể

- ① Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế.
- ② Đối với Khoa Kiến trúc, vào năm thứ ba sinh viên phải chọn chuyên ngành.
- ③ Ngành được chứng nhận kiểm định giáo dục kỹ thuật bởi Viện Kiểm định Giáo dục Kỹ thuật Hàn Quốc (ABEEK)
- ④ Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang của Khoa Thiết kế sẽ được xét tuyển dựa trên các yêu cầu tương tự như các ngành thuộc Khoa Nhân văn mà không cần thi thực hành.
- ⑤ Đối với ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất của Khoa Thiết kế, ứng viên phải có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) từ cấp 5 trở lên để đủ điều kiện ứng tuyển hệ chuyển tiếp.
- ⑥ Khoa Nội dung Tương tác Hội nhập Toàn cầu: 100% giảng dạy bằng tiếng Anh nên ứng viên cần nộp thành tích tiếng Anh (tham khảo trang 9)

## 2. Điều kiện ứng tuyển

### 1) Quy định chung về học lực và quốc tịch

	Yêu cầu	Lưu ý
Đối với tân sinh viên	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ tốt nghiệp hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp cấp 3 hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên có hai quốc tịch (quốc tịch Hàn Quốc + quốc tịch khác) không thể đăng ký loại hình tuyển sinh này.
Đối với sinh viên hệ chuyển tiếp năm 2	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ hoàn thành (hoặc DỰ KIẾN sẽ hoàn thành) ít nhất một năm (hai học kỳ) trong chương trình đại học tại một trường đại học chính quy; hoặc ĐÃ tốt nghiệp (hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp) từ một trường cao đẳng hai năm hoặc ba năm; hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên chỉ có thể ứng tuyển nếu đã trở thành công dân nước ngoài trước khi nhập học tiểu học.
Đối với sinh viên hệ chuyển tiếp năm 3	Cả bố và mẹ của ứng viên đều không được mang quốc tịch Hàn Quốc. Ứng viên phải ĐÃ hoàn thành (hoặc DỰ KIẾN sẽ hoàn thành) ít nhất hai năm (bốn học kỳ) trong chương trình cấp độ đại học tại một trường đại học chính quy; hoặc ĐÃ tốt nghiệp (hoặc DỰ KIẾN sẽ tốt nghiệp) từ một trường cao đẳng hai năm hoặc ba năm; hoặc chứng chỉ giáo dục tương đương.	※ Ứng viên nhận giáo dục tại nhà (không qua trường lớp chính quy) hoặc chỉ có bằng G.E.D. không đủ điều kiện để ứng tuyển.

※ Ứng viên phải đáp ứng cả điều kiện riêng của từng khoa và điều kiện ứng tuyển chung.

### 2) Ngoại ngữ

Khối ngành/Khoa (Ngành)	Yêu cầu về trình độ ngôn ngữ
Tất cả các ngành và khoa (trừ ngành Global Interactive Convergence Content)	Không yêu cầu điều kiện riêng. Tuy nhiên, vui lòng tham khảo tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn và chương trình đào tạo tiếng Hàn dự bị để nhập học hệ đại học của trường (tham khảo trang 19)
Ngành Global Interactive Convergence Content	1. Bắt buộc nộp điểm tiếng Anh - TOEFL iBT từ 60 trở lên hoặc IELTS từ 5.5 trở lên 2. Được miễn nếu: thí sinh đã hoàn thành và tốt nghiệp toàn bộ chương trình THPT bằng tiếng Anh tại quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính hoặc ngôn ngữ chính thức (dựa theo thông tin trên trang web Bộ Ngoại giao Hàn Quốc).
Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất	TOPIK 5 trở lên đối với hệ chuyển tiếp

## 3. Phương pháp xét tuyển

Khối ngành/Khoa (Ngành)	Cách thức tính điểm	Phương pháp xét tuyển và tỉ lệ
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên, Bách khoa, Kỹ thuật Sáng tạo ICT, Công nghệ thông tin, Kinh doanh Kinh tế, Hội tụ ảo, Công nghệ sinh học, Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang, Nghệ thuật & Công nghệ	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 100%
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	Cộng gộp toàn bộ điểm	Xét duyệt hồ sơ 50% + Thi thực hành (Portfolio) 50%

#### 4. Thời gian nộp hồ sơ

	Đợt 2 Kỳ mùa Thu năm 2026	Nội dung
Ứng tuyển	Từ 10:00 thứ 2, 01/06/2026 đến 18:00 thứ 6, 12/06/2026	Bắt buộc phải ứng tuyển trên website <a href="http://oia.cau.ac.kr">http://oia.cau.ac.kr</a> Chọn "Korean">"학부 입학">"공지사항"
Nộp hồ sơ	Từ 10:00 thứ 2, 01/06/2026 đến 18:00 thứ 6, 12/06/2026	1. Xem địa chỉ nộp hồ sơ ở trang 17 2. Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, chỉ chấp nhận các hồ sơ có ngày gửi (dấu bưu điện) trước hoặc đúng ngày hết hạn nộp hồ sơ.
Bài thi thực hành của Khối ngành Nghệ thuật và Thể thao	Thứ 7, 20/06/2026	Đánh giá portfolio
Thông báo danh sách trúng tuyển	Thứ 6, 03/07/2026	Sẽ được đăng trên website <a href="https://oia.cau.ac.kr/">https://oia.cau.ac.kr/</a> Chọn "Korean">"학부 입학">"공지사항"
Đăng ký "Giấy báo nhập học"	Khoảng giữa 07/2026	1. Tham khảo trang 21 2. Thông báo cụ thể sẽ được đăng trên website <a href="https://oia.cau.ac.kr/">https://oia.cau.ac.kr/</a> vào tháng 7 Chọn "Korean">"학부 입학">"공지사항"
Đóng học phí		Đóng học phí vào tài khoản ảo được cấp riêng cho từng thí sinh trúng tuyển.
Chào đón tân sinh viên (OT)	Thứ 2, 24/08/2026	Thông tin chi tiết sẽ được thông báo sau Học kỳ bắt đầu vào <b>01/09/2026</b>

5. Bài thi thực hành

Khối	Khoa/Ngành		Dạng thức bài thi	Điểm thành phần	Thi thực hành/Portfolio
Khối ngành Nghệ thuật	Khoa Thiết kế	Thủ công mỹ nghệ	<p>● <b>Đánh giá dựa trên portfolio</b></p> <p>Đánh giá dựa trên portfolio do thí sinh tự chuẩn bị. Portfolio phải bao gồm tối đa 12 dự án sáng tạo có hệ thống, theo các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Portfolio bao gồm 4 bản mô tả chi tiết và tối đa 12 sản phẩm/dự án.</li> <li>Portfolio cần trình bày quá trình thực hiện từ xây dựng ý tưởng đến hoàn thành sản phẩm hoàn chỉnh, kèm theo giải thích về cách thí sinh đã phát triển bản sắc cá nhân qua các tác phẩm.</li> <li>Kích thước portfolio phải là A4 (210 x 297mm), có thể chọn theo chiều ngang hoặc chiều dọc.</li> <li>Nếu có tài liệu trên USB, các file dữ liệu phải được lưu dưới định dạng "jpg (hình ảnh)", "mov (video)" hoặc "mp3 (âm thanh)".</li> <li>Nếu có tài liệu video hoặc âm thanh, thời lượng của mỗi tài liệu không vượt quá 2 phút.</li> <li>Phòng vấn sẽ được thay thế bằng video giới thiệu.                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời lượng: dưới 2 phút.</li> <li>Nói trực tiếp vào camera (bắt đầu bằng việc nói tên và giới thiệu bản thân).</li> <li>Giới thiệu bằng tiếng Hàn.</li> <li>Định dạng file lưu trữ: .mov</li> <li>Không có hiệu ứng đặc biệt hoặc lớp phủ màn hình.</li> </ul> </li> <li>Nếu phát hiện có sự sao chép tác phẩm của người khác hoặc việc tác phẩm được thực hiện bởi người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</li> </ol> <p>※ <b>Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng.</b></p>	100%	
Thiết kế Công nghiệp					
Thiết kế Trực quan					

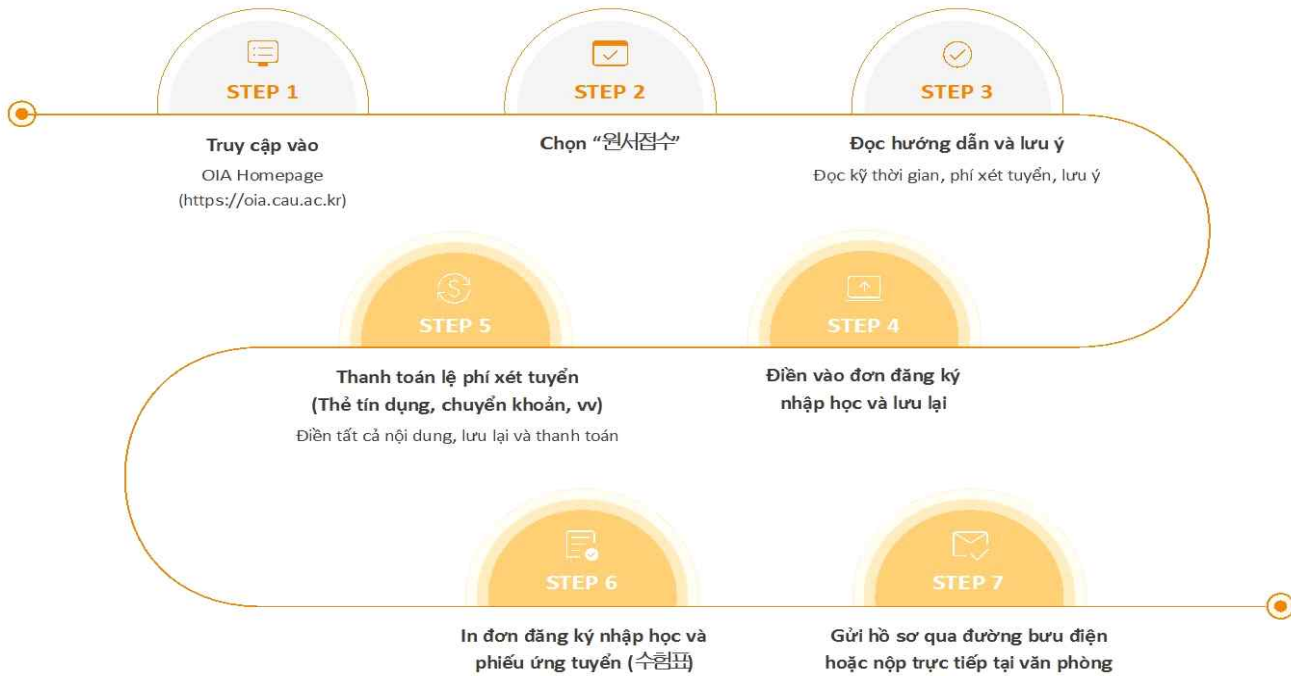
Khối	Khoa/Ngành		Dạng thức bài thi	Điểm thành phần	Thi thực hành/Portfolio
Khối ngành Nghệ thuật	Khoa Nghệ thuật Toàn cầu	Phát thanh Truyền hình & Giải trí	<p><b>1. Video Giới thiệu bản thân</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nội dung: Chỉ đề cập đến tên của bạn và ngành học bạn đã ứng tuyển, sau đó tập trung vào giải thích liên quan đến portfolio đã nộp (mục đích của tác phẩm, vai trò của bạn, nỗ lực để thực hiện vai trò, quá trình sản xuất, động cơ sáng tác, v.v.)</li> <li>Thời lượng video: Dưới 1 phút 30 giây</li> <li>Định dạng file: mov hoặc mp4, độ phân giải 1920*1080</li> <li>Lưu ý:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Video giới thiệu có thể sử dụng ngôn ngữ khác nhưng phải nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc thêm phụ đề tiếng Hàn vào video</li> <li>Không đề cập đến lý do ứng tuyển, quan hệ gia đình, hoặc định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp (nếu đề cập sẽ bị trừ điểm)</li> <li>Video giới thiệu phải được quay với camera cố định (16:9), chỉ hiện thị phần thân trên (Bust shot) của bạn</li> </ul> </li> </ol> <p><b>2. Portfolio (Tối đa 2 tác phẩm, không phân biệt thể loại):</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Video có thể là live-action, hoạt hình, CGI, v.v. (tuy nhiên, ảnh/ chữ tranh không được chấp nhận).</li> <li>Thể loại video (phim ngắn, web drama, video ngắn, video biểu diễn, v.v.) đều được chấp nhận nhưng phải là tác phẩm thể hiện rõ nhất vai trò hoặc khả năng của bạn (cắt ghép video không vượt quá 5 phút)</li> </ol>	100%	Portfolio (nộp trực tuyến)

		<p>3. Trong video, bắt buộc phải ghi rõ vai trò của bản thân bằng phụ đề tiếng Hàn hoặc tiếng Anh.</p> <p>4. Đối với ứng viên ngành diễn xuất, bắt buộc phải nộp video độc thoại do chính bạn diễn. Video phải được quay bằng camera cố định (16:9) và sử dụng ngôn ngữ hình thể phù hợp để thể hiện diễn xuất của bạn (dưới 1 phút 30 giây, nếu diễn bằng ngoại ngữ thì cần phụ đề tiếng Hàn).</p> <p>5. Đối với người nộp kịch bản, phải nộp kèm theo 1 trang giới thiệu ý tưởng/ synopsis (Chỉ công nhận vai trò độc lập của bạn).</p> <p><b>3. Lưu ý:</b> Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</p> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng.</b></p>		
	<p>Âm nhạc Ứng dụng</p>	<p><b>1. Giới thiệu bản thân:</b> Đính kèm bài tự giới thiệu và một video ngắn giới thiệu về bản thân.</p> <p>1. Nội dung: Giới thiệu chuyên ngành bạn muốn ứng tuyển và giải thích về portfolio đã nộp (như động lực ứng tuyển, những gì muốn học tại trường, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp và vai trò của bản thân, v.v.)</p> <p>2. Thời lượng video: Tối thiểu 30 giây, tối đa 90 giây</p> <p>3. Định dạng file: MOV hoặc MP4</p> <p>4. Lưu ý</p> <p>1) Video giới thiệu nên sử dụng tiếng Hàn cơ bản. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp tài liệu dịch kèm theo.</p> <p>2) Nói trực tiếp vào camera (bắt đầu bằng việc nói tên và sau đó tiếp tục giới thiệu bản thân).</p> <p><b>2. Portfolio</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu diễn nhạc cụ: Video biểu diễn nhạc cụ do chính bạn chơi, có thể là trống, bass, guitar, piano, nhạc cụ dây, hoặc nhạc cụ đồng.</li> <li>- Hát: Video hát do chính bạn thể hiện.</li> <li>- Đối với phần hát, chỉ chấp nhận các tác phẩm chưa qua chỉnh sửa bằng Auto-Tune (tác phẩm sử dụng Auto-Tune sẽ không được chấp nhận).</li> <li>- Sáng tác, phối khí (Composition &amp; Arrangement): Video thể hiện quá trình sáng tác.</li> </ul> <p>* Thời lượng video: Mỗi video khoảng 2 phút.</p> <p>* Định dạng file: MOV hoặc MP4, với âm thanh được lưu dưới định dạng mp3.</p> <p>* Portfolio có thể bao gồm từ tối thiểu 1 đến tối đa 3 tác phẩm.</p> <p><b>3. Lưu ý:</b> Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</p> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng.</b></p>	<p>100%</p>	
	<p>Game Contents &amp; Animations</p>	<p>● <b>Giới thiệu bản thân (Self-introduction)</b></p> <p>1. Nội dung: Đề cập đến động lực ứng tuyển, định hướng nghề nghiệp mong muốn, các program mà bản thân có thể sử dụng được, chương trình học mong muốn, giải thích về nội dung portfolio đã nộp.</p> <p>2. Thời lượng video: Tối đa 90 giây</p> <p>3. Định dạng file: MOV hoặc MP4</p> <p>4. Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói trực tiếp vào camera</li> <li>- Giải thích chi tiết về công việc và kế hoạch tương lai của bạn</li> <li>- Nếu có chương trình hoặc ngôn ngữ lập trình thường sử dụng, hãy đề cập đến</li> </ul>		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tiếng Hàn. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp bản dịch kèm theo</li> </ul> <p>● <b>Portfolio</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định dạng             <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Tối đa 20 hình ảnh tác phẩm do bạn tự tạo (nộp dưới dạng 1 file PDF)</li> <li>2) Tối đa 3 video tác phẩm do bạn tự tạo (nộp dưới dạng 1 file MP4)</li> </ol> </li> <li>2. Nội dung             <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Game                 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân vật (Thiết kế, mô hình, rigging, concept art, v.v.)</li> <li>- Môi trường (Thiết kế cấp độ, mô hình, ánh sáng, texturing, v.v.)</li> <li>- Kỹ thuật (Shader, particle, đồ họa)</li> <li>- VFX (Chất lỏng, môi trường, vật lý, v.v.)</li> </ul> </li> <li>2) Hoạt hình (Animation)                 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt hình 2D/3D (Rigging, nhân vật, hoạt hình, v.v.)</li> <li>- Cinematic (Previs, camera work, v.v.)</li> <li>- Concept (Phác thảo, nhân vật, phát triển hình ảnh)</li> <li>- UI/UX (Giao diện, thiết kế UX, hoạt hình UI)</li> </ul> </li> <li>3) Tương tác (Interaction):                 <ul style="list-style-type: none"> <li>- VR/AR/MR/XR (Tương tác, tracking, cảm biến)</li> <li>- Mapping (Chiếu sáng, media facade, hiệu suất tương tác)</li> </ul> </li> </ol> <p>※ Tự do nộp các tác phẩm thuộc các mục trên.                  ※ Phải ghi rõ tiêu đề, ngày tạo, và chương trình sử dụng ở góc dưới bên phải của tất cả các tài liệu trong hồ sơ. Ví dụ: Into the New Universe / 2024 / Unreal Engine 5.1</p> </li> </ol> <p>● <b>Lưu ý:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khuyến khích ứng viên xây dựng quá trình hoàn thành tác phẩm rõ ràng, từ ý tưởng đến bước hoàn thiện.</li> <li>2. Đối với các tác phẩm tương tác và lắp đặt, cần nộp video ghi lại quá trình lắp đặt.</li> <li>3. Sử dụng AI chỉ được chấp nhận theo điều kiện phê duyệt cá nhân.</li> <li>4. Nếu phát hiện có người khác thực hiện tác phẩm thay hoặc sao chép tác phẩm của người khác, kết quả sẽ bị hủy bỏ ngay cả sau khi đã nhập học.</li> </ol> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng tại trường.</b></p>		
Thể dục Thể thao	Khoa học Thể dục	<p>● <b>Portfolio phải được chuẩn bị với các nội dung sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>01. <b>Giới thiệu bản thân:</b> Giới thiệu ngắn gọn về bản thân</li> <li>02. <b>Hoạt động thể thao:</b> Thông tin về hoạt động thể thao ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, các hoạt động trong câu lạc bộ thể thao, cùng với kế hoạch và mục tiêu trong tương lai.</li> <li>03. <b>Thành tích thể thao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung và tài liệu chứng minh các hoạt động thể thao ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, bao gồm cả thành tích đạt được.</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm vận động viên, cùng với các chứng chỉ liên quan đến thể thao.</li> </ul> </li> </ol> <p>*Nếu nội dung của portfolio bị khai man hoặc làm giả, kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy ngay cả sau khi nhập học.                  *Sử dụng tiếng Hàn. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác, phải nộp bản dịch kèm theo.</p> <p><b>※ Portfolio phải được nộp cùng với hồ sơ nhập học, không có kỳ thi thực hành riêng.</b></p>	100%	Portfolio (nộp trực tuyến)

## 6. Cách thức tiếp nhận hồ sơ

- 1) Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ 10:00 thứ 2, 01/06/2026 đến 18:00 thứ 6, 12/06/2026
- 2) Quy trình ứng tuyển



### 3) Lưu ý

- (1) Đơn đăng ký phải được hoàn thành và lưu lại trước 6 giờ chiều ngày cuối cùng của thời hạn đăng ký. Các đơn đăng ký chưa được lưu lại sẽ không được chấp nhận.
- (2) Tham khảo trang 22 và nhập điểm trung bình
- (3) Các ứng viên muốn đăng ký nguyện vọng 2 phải trước tiên hoàn thành và thanh toán lệ phí cho đơn đăng ký của nguyện vọng 1. Sau đó, hoàn thành đơn đăng ký cho nguyện vọng 2 và tiến hành thanh toán lệ phí cho nguyện vọng 2.
- (4) Sau khi thanh toán lệ phí xét tuyển, đơn đăng ký sẽ không thể được chỉnh sửa. Ngoài ra, sau thời hạn đăng ký sẽ không thể thay đổi ngành, loại hình xét tuyển hoặc hủy hồ sơ. Vì vậy ứng viên vui lòng điền thông tin cẩn thận.

## 7. Phí xét tuyển

Khối ngành/Khoa	Phí xét tuyển (Nguyện vọng 1)	Phí xét tuyển (Nguyện vọng 2)
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên, Bách khoa, Kỹ thuật Sáng tạo ICT, Công nghệ thông tin, Kinh doanh Kinh tế, Hội tụ ảo, Công nghệ sinh học, Ngành Thiết kế Nhà ở & Nội thất và Ngành Thời trang, Nghệ thuật & Công nghệ	150,000 won	60,000 won
Nghệ thuật, Thể dục Thể thao	200,000 won	x

※ Sau thời hạn đăng ký, đơn đăng ký và phí xét tuyển sẽ không được hoàn lại.

## 8. Hồ sơ cần thiết

1) Thời gian nộp: Từ 10:00 thứ 2, 01/06/2026 đến 18:00 thứ 6, 12/06/2026

- Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, chỉ chấp nhận các hồ sơ có ngày gửi (dấu bưu điện) trước hoặc đúng ngày hết hạn nộp hồ sơ.

2) Hồ sơ

No.	Hồ sơ	Nhập học mới	Hệ chuyển tiếp	Dịch thuật công chứng	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	○	○		In đơn đăng ký sau khi đã điền online
2	Chứng chỉ chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp THPT	○		○	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
3	Bảng điểm các năm THPT (GPA cụ thể trên thang điểm 100 hoặc chỉ rõ điểm chuẩn gốc)	○		○	
4	Giấy chứng minh quan hệ gia đình: Giấy khai sinh	○	○	○	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
5	Bản sao thẻ Căn cước (Ứng viên và bố mẹ)	○	○		
6	Bản sao Hộ chiếu (Ứng viên)	○	○		
7	Bản sao thẻ Người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)	Nếu có	Nếu có		
8	Giấy chứng minh mối quan hệ gia đình và Giấy xác nhận từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc	Nếu có	Nếu có		Đối với người đã từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc và nhận quốc tịch nước ngoài
	Giấy chứng nhận nhập tịch	Nếu có	Nếu có		
9	Giấy chứng nhận việc nhận nuôi và Giấy chứng nhận nhập tịch (nếu rõ ngày nhận quốc tịch)	Nếu có	Nếu có		Đối với người đã nhập tịch nước ngoài sau khi được nhận nuôi
	Giấy xác nhận việc từ bỏ quốc tịch Hàn Quốc	Nếu có	Nếu có		
10	Chứng chỉ ngoại ngữ (TOEIC, TOEFL, IELTS, JLPT, HSK)	Nếu có	Nếu có		- Chỉ công nhận chứng chỉ còn hạn - Không công nhận nếu chứng chỉ ngôn ngữ đó là tiếng mẹ đẻ
11	Chứng chỉ TOPIK hoặc giấy xác nhận hoàn thành (đang tham gia) khóa học tiếng Hàn tại Viện Ngôn ngữ	Nếu có	Nếu có		- Chỉ công nhận chứng chỉ còn hạn
12	Chứng chỉ năng lực tiếng Anh (áp dụng cho ngành Global Interactive Convergence Content)	Nếu có	Nếu có		- Yêu cầu TOEFL iBT từ 60 điểm trở lên hoặc IELTS từ 5.5 trở lên - Điều kiện miễn nộp chứng chỉ tiếng Anh: tham khảo trang 8
13	Giấy xác nhận sinh viên đang theo học trường Đại học		○	○	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
14	Bảng điểm học tập từ trường đại học (hoặc cao đẳng)		○	○	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
	※ (Chỉ rõ số tín chỉ yêu cầu để tốt nghiệp, điểm GPA cụ thể theo thang điểm 100 hoặc chỉ rõ thang điểm chuẩn gốc)				
15	Chứng chỉ chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp Đại học ( hoặc Cao đẳng)		○	○	Bản dịch công chứng trong vòng 3 tháng
16	Portfolio	Nếu cần	Nếu cần		Tham khảo trang 10
17	Tài liệu chứng minh các hoạt động khác:	Nếu có	Nếu có	Chỉ cần dịch thuật (không cần công chứng)	- Đối với hệ tân sinh viên các tài liệu chứng minh các hoạt động được thực hiện trong thời gian học trung học phổ thông. - Đối với hồ sơ chuyển tiếp các tài liệu chứng minh các hoạt động được thực hiện trong thời gian học đại học. Bao gồm: tài liệu chứng minh thành tích học tập, hoạt động liên quan đến chuyên ngành, hoạt động tình nguyện, v.v.
*	Tài liệu chứng minh học lực cao nhất	Các ứng viên trúng tuyển vui lòng tham khảo trang 20, 21			

## 9. Lưu ý về hồ sơ

1) Thời gian nộp: từ 10:00 thứ 2, 01/06/2026 đến 18:00 thứ 6, 12/06/2026

2) Địa chỉ nộp hồ sơ

<b>Địa chỉ bằng tiếng Hàn</b>	◦ 서울특별시 동작구 흑석로 84 중앙대학교 100주년 기념관(310관) 2층, 210호 국제처 (06974)
<b>Địa chỉ bằng tiếng Anh</b>	◦ Office of International Affairs, Room#210, Building#310, Chung-Ang University, 84 Heuksuk-Ro, Dongjak-Gu, Seoul, Korea(06974)
<b>Số điện thoại</b>	◦ +82-2-820-6575, 6124
<b>E-mail</b>	◦ ba@cau.ac.kr
<b>Website</b>	◦ <a href="http://oia.cau.ac.kr">http://oia.cau.ac.kr</a>

### ※ Lưu ý khi nộp hồ sơ

- Ứng viên phải nộp BẢN GỐC của tất cả hồ sơ (bản sao có chứng thực sao y bản chính từ cơ quan có thẩm quyền sẽ được xem như là bản gốc).
- Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, chỉ chấp nhận các hồ sơ có ngày gửi (dấu bưu điện) trước hoặc đúng ngày hết hạn nộp hồ sơ.
- Nếu tài liệu chứng minh trình độ học vấn chỉ có duy nhất 1 bản gốc và không thể xin thêm bản khác, thí sinh vui lòng đến Phòng Hợp tác Quốc tế của trường để thực hiện thủ tục đối chiếu bản gốc (chứng thực bản sao từ bản gốc).
- Các tài liệu không được viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh phải nộp bản dịch công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. (Đối với các tài liệu chứng minh hoạt động, chỉ cần nộp bản dịch — không cần công chứng.)
- Đối với ứng viên đăng ký 2 nguyện vọng, phải in đơn đăng ký nhập học cho cả 2 ngành và nộp cùng với 1 bộ hồ sơ nhập học.
- Sau khi đã đăng ký online, vui lòng in nhãn gửi thư để dán lên phong bì và nộp cùng với hồ sơ.
- Nếu tên trên các tài liệu nộp không khớp với nhau, cần nộp tài liệu chứng minh là cùng một người do tòa án của quốc gia đó cấp.
- Hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả.
- Nếu thông tin bị làm giả hoặc không đầy đủ, ứng viên có thể bị loại khỏi quy trình tuyển sinh

## 2 TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN VÀ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾNG HÀN

### 1. Quy trình nhập học lớp dự bị

- Theo quy định tuyển sinh của trường, chỉ những sinh viên đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn mới đủ điều kiện để bắt đầu chương trình đại học.



### 2. Yêu cầu về năng lực tiếng Hàn để nhập học đại học

※ Không áp dụng cho ngành Global Interactive Convergence Content

Tiêu chuẩn	Ghi chú
TOPIK 4 trở lên	Riêng Khoa Thiết kế, Khoa Nghệ thuật Toàn cầu (Ngành Âm nhạc Ứng dụng, Ngành Game Contents & Animations) chỉ cần TOPIK 3 trở lên
Hoàn thành khóa học cấp 4 hoặc cao hơn tại Viện Ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	
Hoàn thành khóa học cấp 5 hoặc cao hơn tại Viện Ngôn ngữ của một trong những trường đại học công nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được công nhận là Trường Đại học đạt chuẩn IEQAS (Năng lực Quốc tế hóa Giáo dục) năm 2025</li> <li>- Vui lòng tham khảo danh sách các trường được chứng nhận IEQAS ở trang 22</li> <li>- Chỉ áp dụng tại thời điểm nhập học (không áp dụng cho học sinh tham gia chương trình dự bị tiếng Hàn)</li> </ul>
Hoàn thành khóa học Trung cấp 2 hoặc cao hơn của Học viện Sejong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ áp dụng tại thời điểm nhập học (không áp dụng cho học sinh tham gia chương trình dự bị tiếng Hàn)</li> </ul>

### 3. Lưu ý cho sinh viên chưa đạt yêu cầu về năng lực tiếng Hàn

- 1) Sinh viên phải thanh toán cả học phí đại học và học phí chương trình tiếng Hàn.
- 2) Ngay sau khi nhập học, sinh viên sẽ được xử lý bảo lưu (bảo lưu để tham gia khóa đào tạo tiếng Hàn), và phải tham gia chương trình tiếng Hàn tại Viện Ngôn ngữ của trường cho đến khi đạt yêu cầu.
- 3) Trong 6 tháng đầu sau khi nhập học, sinh viên bắt buộc phải học tại Viện Ngôn ngữ ở cơ sở Da Vinci (Anseong).
- 4) Việc không đăng ký (thanh toán học phí) chương trình tiếng Hàn có thể dẫn đến việc hủy bỏ kết quả nhập học chương trình Đại học.
- 5) Những sinh viên viên đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực tiếng Hàn cần nộp chứng từ liên quan cho Phòng Hợp tác Quốc tế để đăng ký nhập học lại.
- 6) Sinh viên đang theo học tiếng có thể tham gia chương trình đào tạo với visa D-4-1.
  - Nếu sinh viên đang sở hữu loại visa có thể tham gia khóa đào tạo ngôn ngữ (ví dụ: loại A, E, F), không cần phải thay đổi visa.

### 3 HỌC BỔNG VÀ HỌC PHÍ

#### 1. Kỳ đầu tiên

	Điều kiện	Mức học bổng
Học bổng	TOPIK cấp 6	100% học phí
	TOPIK cấp 5	50% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 5 (hoặc hơn) tại Viện ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	50% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 4 tại Viện ngôn ngữ trường Đại học Chung-Ang	30% học phí
	Đã hoàn thành lớp cấp 5 (hoặc hơn) tại Viện ngôn ngữ của một trong những trường Đại học chứng nhận	30% học phí

※ Có thể cộng gộp các loại học bổng (trong phạm vi hạn mức học phí).

※ Học bổng chỉ được áp dụng nếu ứng viên nộp các tài liệu liên quan đến học bổng (bảng điểm TOPIK, chứng nhận hoàn thành khóa học ngôn ngữ) trước **ngày 03 tháng 07 năm 2026 (thứ Sáu)**.

**2. Từ kỳ thứ hai trở đi:** học bổng được cấp cho những sinh viên có thành tích xuất sắc trong học kỳ trước theo quy định của trường.

Điều kiện	Mức học bổng	Thời hạn
Đạt 4.3 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	100% học phí	Trong thời gian đào tạo quy định
Đạt 4.0 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	50% học phí	
Đạt 3.7 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	30% học phí	
Đạt 3.2 (hoặc hơn) điểm GPA trong kỳ trước	20% học phí	

※ Trong trường hợp mất quốc tịch nước ngoài (và nhập tịch Hàn Quốc), sinh viên sẽ không còn đủ điều kiện nhận học bổng này.

※ Các tiêu chuẩn học bổng trên có thể thay đổi tùy theo các chính sách liên quan.

#### 3. Học phí (năm 2026)

Khối ngành/Khoa	Học phí kỳ đầu	Học phí từ kỳ 2	
Nhân văn, Khoa học Xã hội, Kinh doanh-Kinh tế	5,320,000 won	5,124,000 won	
Khoa học Tự nhiên, Công nghệ Sinh học	6,166,000 won	5,970,000 won	
Y khoa	8,468,000 won	8,272,000 won	
Bách khoa, Kỹ thuật Công nghệ ICT, Công nghệ thông tin, Nghệ thuật & Công nghệ	6,993,000 won	6,797,000 won	
Khối Nghệ thuật	Thiết kế, Nghệ thuật Toàn cầu, Nghệ thuật Biểu diễn & Sáng tạo (Nhiếp ảnh, Múa)	7,039,000 won	6,843,000 won
	Âm nhạc, Nghệ thuật Truyền thống	7,259,000 won	7,063,000 won
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn & Sáng tạo (Diễn xuất, Điện ảnh, Đạo diễn Sân khấu và Điện ảnh)	7,103,000 won	6,907,000 won
Thể dục Thể thao	6,335,000 won	6,139,000 won	

※ Học phí có thể thay đổi tùy theo chính sách của trường

## 4 THỦ TỤC XIN VISA D-2

	Sinh viên đang cư trú tại Hàn Quốc	Sinh viên đang cư trú ngoài Hàn Quốc
Hồ sơ cần nộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 tấm hình thẻ</li> <li>- Thẻ người nước ngoài (nếu có)</li> <li>- Giấy xác nhận nơi cư trú</li> <li>- <b>Giấy báo nhập học, giấy đăng ký kinh doanh của Đại học Chung-Ang</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 tấm hình thẻ</li> <li>- <b>Giấy báo nhập học, giấy đăng ký kinh doanh của Đại học Chung-Ang</b> (Sẽ được cấp qua email)</li> </ul>

- Tùy vào tình trạng cư trú của sinh viên, vui lòng liên hệ trước với Cục Xuất nhập cảnh hoặc cơ quan địa phương để hỏi về các tài liệu cần thiết cho việc xin visa.
- Tùy vào tình trạng của sinh viên, cơ quan xuất nhập cảnh hoặc cơ quan địa phương có thể yêu cầu bổ sung tài liệu khi nộp đơn xin visa.

## 5 ĐĂNG KÝ "GIẤY BÁO NHẬP HỌC"

1. Về thủ tục xin visa du học (D-2), vui lòng tham khảo tài liệu hướng dẫn "Các điểm cần lưu ý cho ứng viên trúng tuyển".
2. Những ứng viên trúng tuyển chưa đạt yêu cầu về trình độ ngôn ngữ sẽ cần xin visa học tiếng (D-4) để vào học lớp đào tạo tiếng Hàn, và sẽ được thông báo riêng.

## 6 GIẤY TỜ CẦN THIẾT ĐỂ ĐĂNG KÝ "GIẤY BÁO NHẬP HỌC"

### 1. Hồ sơ chứng minh tài chính: Giấy xác nhận số dư tài khoản

	Nội dung
Tài liệu	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng của ứng viên hoặc bố mẹ ứng viên
Tiêu chuẩn	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng được cấp trong vòng 30 NGÀY tính từ ngày nộp đơn xin cấp (hoặc thay đổi) visa.
Thời gian nộp	Chỉ ứng viên trúng tuyển mới cần nộp (trong thời gian nhận đăng ký) ※ Lưu ý: Không nộp cùng với hồ sơ nhập học
Số lượng	1 bản, nộp cho trường
Số tiền	Trên 20,000,000 won / 15,000 đô / 380,000,000 đồng
Lưu ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiêu chuẩn nộp hồ sơ có thể thay đổi theo chỉ thị của Cục Xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp.</li> <li>• Nếu ứng viên có dự định đổi visa tại Hàn Quốc, hãy nộp giấy xác nhận số dư tài khoản do ngân hàng trong nước (Hàn Quốc) cấp.</li> <li>• Cục Xuất nhập cảnh hoặc cơ quan cấp visa có thể yêu cầu thêm tài liệu liên quan đến tài chính.</li> <li>• Giấy xác nhận số dư tài khoản có thể không được công nhận tùy theo quyết định của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

※ Hướng dẫn về việc nộp giấy xác nhận số dư tài khoản dành cho ứng viên trúng tuyển CHƯA đạt yêu cầu về trình độ tiếng Hàn sẽ được thông báo riêng trên trang web của Phòng Hợp tác Quốc tế <https://oia.cau.ac.kr/> .

### 2. Tài liệu chứng minh học lực cao nhất: Tài liệu chứng nhận học vấn

Phân loại		Hồ sơ cần nộp		
		Giấy xác nhận tốt nghiệp THPT	Giấy xác nhận sinh viên đang theo học trường Đại học	Giấy xác nhận tốt nghiệp trường Đại học/ trường Cao đẳng
THPT	Đã tốt nghiệp	√		
Trường Đại học hệ 4 năm	Đang theo học	√	√	
Trường Đại học hệ 4 năm/ trường Cao đẳng	Đã tốt nghiệp			√

- Vui lòng tham khảo các phương pháp chứng nhận theo từng loại tài liệu chứng nhận học vấn dưới đây cho giấy chứng nhận ở trên.

### 3. Phương pháp xác thực từng loại tài liệu chứng minh học lực cao nhất

Phân loại	Giấy tờ chứng minh học lực cao nhất		
	Trung Quốc (đối với ứng viên theo học hoặc đã tốt nghiệp tại trường cấp ba hoặc đại học tại Trung Quốc)	Các nước khác	
		Các nước tham gia công ước Apostille	Các nước không tham gia công ước Apostille
Bằng tốt nghiệp THPT	Đối với ứng viên tốt nghiệp hoặc theo học tại trường Trung học phổ thông tại Trung Quốc: Nộp bằng tốt nghiệp do trường cấp và giấy xác nhận học lực do Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp (Cơ quan phát hành: <a href="http://www.chsi.com.cn">www.chsi.com.cn</a> ). Đối với ứng viên tốt nghiệp trường chuyên môn hoặc trường nghề tại Trung Quốc, xin hãy tham khảo bản tiếng Hàn trang 20	Chứng thực Apostille do cơ quan chính phủ cấp	Chứng thực lãnh sự do Đại sứ quán Hàn Quốc cấp (dấu đỏ/dấu tím)
Giấy chứng nhận đang học (hoặc đã hoàn thành) tại Đại học 4 năm	Tham khảo bản tiếng Hàn trang 19		
Giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại học 4 năm hoặc trường Cao đẳng			

※ Đối với ứng viên đã hoàn thành chương trình học hoặc nhận bằng tại Hàn Quốc: Giấy xác nhận tốt nghiệp do các trường trung học và đại học trong nước cấp (không yêu cầu công chứng thêm).

#### Các lưu ý khi nộp tài liệu:

- Đối với ứng viên dự kiến tốt nghiệp, sau khi tốt nghiệp, ứng viên phải nộp các tài liệu chứng nhận học vấn – liên quan đến việc tốt nghiệp trước ngày khai giảng.
- Nếu ứng viên không thể nộp tài liệu chứng nhận, ứng viên sẽ bị hạn chế cấp visa và kết quả của ứng viên có thể bị hủy bỏ.
- Các yêu cầu trên có thể thay đổi tùy theo quy định của Bộ Giáo dục và Bộ Tư pháp Hàn Quốc.

## 7 DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN NĂNG LỰC QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC

1. Danh sách các trường được chứng nhận năng lực quốc tế hóa giáo dục năm 2025 (01/03/2026-28/02/2027)

Tổng	Tên trường
Trường Đại học (101 trường)	가천대학교, 가톨릭대학교, 강남대학교, 강서대학교, 강원대학교, 건국대학교, 건국대학교(글로벌), 건양대학교, 경기대학교, 경남대학교, 경동대학교, 경북대학교, 경상국립대학교, 경성대학교, 경운대학교, 경일대학교, 경희대학교, 계명대학교, 고려대학교, 고려대학교(세종), 고신대학교, 광운대학교, 광주과학기술원, 광주대학교, 광주여자대학교, 국립강릉원주대학교, 국립경국대학교, 국립공주대학교, 국립군산대학교, 국립금오공과대학교, 국립목포대학교, 국립부경대학교, 국립순천대학교, 국립창원대학교, 국립한국교통대학교, 국립한국해양대학교, 국립한밭대학교, 국민대학교, 김천대학교, 나사렛대학교, 남서울대학교, 단국대학교, 대구가톨릭대학교, 대구대학교, 대구한의대학교, 대신대학교, 대전대학교, 대전대학교, 덕성여자대학교, 동국대학교, 동국대학교(WISE), 동덕여자대학교, 동명대학교, 동서대학교, 동아대학교, 동의대학교, 명지대학교, 목원대학교, 배재대학교, 백석대학교, 부산대학교, 부산외국어대학교, 삼육대학교, 상명대학교, 서강대학교, 서경대학교, 서울과학기술대학교, 서울기독대학교, 서울대학교, 서울시립대학교, 서울신학대학교, 서울여자대학교, 선문대학교, 성공회대학교, 성결대학교, 성균관대학교, 성신여자대학교, 세명대학교, 세종대학교, 숙명여자대학교, 순천향대학교, 송실대학교, 신라대학교, 신한대학교, 아주대학교, 안양대학교, 연세대학교, 연세대학교(미래), 영남대학교, 영산대학교, 우석대학교, 우송대학교, 울산과학기술원, 울산대학교, 원광대학교, 위덕대학교, 을지대학교, 이화여자대학교, 인제대학교, 인천대학교, 인하대학교, 전남대학교, 전북대학교, 전주대학교, 제주대학교, 조선대학교, 중부대학교, 중앙대학교, 중원대학교, 차의과학대학교, 창신대학교, 청주대학교, 충남대학교, 충북대학교, 평택대학교, 포항공과대학교, 한국과학기술원, 한국고원대학교, 한국기술교육대학교, 한국성서대학교, 한국외국어대학교, 한국항공대학교, 한남대학교, 한동대학교, 한림대학교, 한서대학교, 한성대학교, 한세대학교, 한양대학교, 한양대학교(ERICA), 호서대학교, 홍익대학교
Trường Cao đẳng (20 trường)	경남정보대학교, 경북대학교, 경인여자대학교, 동의과학대학교, 동원대학교, 명지전문대학, 부산과학기술대학교, 부천대학교, 안산대학교, 영남이공대학교, 영진전문대학교, 오산대학교, 용인예술과학대학교, 울산과학대학교, 원광보건대학교, 인덕대학교, 전북과학대학교, 제주한라대학교, 한국영상대학교, 한양여자대학교
Viện đào tạo Sau đại học (2 trường)	국제언어대학원대학교, 선학유피대학원대학교

## 8 Phương thức nhập điểm trên đơn ứng tuyển online

1. Nhập điểm trung bình dựa trên thang điểm 100 từ bảng điểm do trường cấp.
2. Nếu bảng điểm do trường cấp không hiển thị điểm trung bình, ứng viên nên tính toán và nhập điểm bằng cách sử dụng biểu mẫu tính điểm Excel trên trang web ứng tuyển.
3. Cách tính kỳ nhập điểm

	Hệ thống trường	Kỳ nhập điểm	Ghi chú
Tân sinh viên	THPT (3 năm)	• Tất cả các kỳ	Chuyển đổi và nhập điểm trung bình dựa trên thang điểm 100. Ví dụ: 85.4/100
	THPT (5 năm)	• 6 kỳ cuối	
Hệ chuyển tiếp năm 2	Trường Cao đẳng	• Tất cả các kỳ	
	Trường đại học chính quy	• 2 kỳ đầu	
Hệ chuyển tiếp năm 3	Trường Cao đẳng	• Tất cả các kỳ	
	Trường đại học chính quy	• 4 kỳ đầu	
Trường Cao đẳng hệ 5 năm	Tân sinh viên	6 kỳ đầu	
	Hệ chuyển tiếp	4 kỳ cuối	

## III. ĐỜI SỐNG SINH VIÊN

---

- Liên hệ
- Ký túc xá
- Bản đồ

# 1 Liên hệ

Nội dung	Bộ phận phụ trách	Thông tin liên lạc
Học phí	Phòng Tài chính – Kế toán	02-820-6072~7
Học bổng (cho sinh viên đang theo học)	Phòng Hỗ trợ Học vụ của Khoa trực thuộc	※ Đối với tân sinh viên vui lòng liên hệ Phòng Hợp tác Quốc tế (02-820-6575)
Hợp tác giao lưu quốc tế	Phòng Hợp tác Quốc tế	02-820-6360, <a href="http://oia.cau.ac.kr/k_main.php">http://oia.cau.ac.kr/k_main.php</a>
Xét duyệt tuyển chọn ký túc xá	Cơ sở Seoul	02-820-6672, <a href="http://dormitory.cau.ac.kr">http://dormitory.cau.ac.kr</a>
	Cơ sở Anseong	031-670-3482, <a href="https://dorm.cau.ac.kr/">https://dorm.cau.ac.kr/</a>
Chứng nhận kỹ thuật	Trung tâm Đổi mới Giáo dục Kỹ thuật	02-820-6558/6555, <a href="http://abeek.cau.ac.kr">http://abeek.cau.ac.kr</a>
Liên quan đến học vụ (Đăng ký môn học, văn bằng 2, bảo lưu, nhập học lại, v.v.)	Nhân văn	02-820-5046/5047, <a href="http://human.cau.ac.kr">http://human.cau.ac.kr</a>
	Khoa học Xã hội	02-820-5077, <a href="http://society.cau.ac.kr">http://society.cau.ac.kr</a>
	Khoa học Tự nhiên	02-820-5186/5184, <a href="http://nature.cau.ac.kr">http://nature.cau.ac.kr</a>
	Bách khoa	02-820-5247/5248, <a href="http://coe.cau.ac.kr">http://coe.cau.ac.kr</a>
	Kỹ thuật Công nghệ ICT	02-820-5251/5252, <a href="http://ict.cau.ac.kr">http://ict.cau.ac.kr</a>
	Công nghệ thông tin	02-820-5251/5252, <a href="http://sw.cau.ac.kr">http://sw.cau.ac.kr</a>
	Kinh doanh-Kinh tế	02-820-5526/5532, <a href="http://bne.cau.ac.kr">http://bne.cau.ac.kr</a>
	Hội tụ ảo	02-881-7303, <a href="https://vc.cau.ac.kr">https://vc.cau.ac.kr</a>
	Nghệ thuật & Công nghệ	031-670-3182, <a href="http://artech.cau.ac.kr/">http://artech.cau.ac.kr/</a>
	Công nghệ sinh học	031-670-3016/3017, <a href="http://cobiotech.cau.ac.kr/">http://cobiotech.cau.ac.kr/</a>
	Nghệ thuật	031-670-3071/3328(다빈치캠퍼스), <a href="http://arts.cau.ac.kr">http://arts.cau.ac.kr</a> 02-820-5774(서울캠퍼스)
	Thể dục Thể thao	031-670-4523, <a href="http://sport.cau.ac.kr">http://sport.cau.ac.kr</a>
	Phòng Học vụ	02-820-6032/6033/6034/6037/6040, <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=130">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=130</a>
Hướng dẫn đường đi đến cơ sở Anseong	<a href="http://중앙대.info">http://중앙대.info</a>	

## 2 KÝ TÚC XÁ

### 1 Cơ sở Seoul

Blue Mir Hall  
(tòa 308, tòa  
309)



Blue Mir Hall  
(tòa 308, tòa 309)

<b>Sức chứa</b>	Tổng 2,390 người
Nam	Phòng đôi: 1,046 người / Phòng 4: 84 người / Phòng dành cho người khuyết tật: 12 người
Nữ	Phòng đôi: 1,132 người / Phòng 4: 104 người / Phòng dành cho người khuyết tật: 12 người

<b>Phí</b>	※ Năm 2026	
	Phòng đôi	Phòng 4
16 tuần (trong kỳ)	1,366,400 won	952,000 won
8 tuần (kỳ nghỉ)	683,200 won	476,000 won
Ngắn hạn	15,000 won	10,500 won

<b>Cách thức và thời gian đăng ký</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vui lòng kiểm tra thông báo từ Phòng Hợp tác Quốc tế dự kiến sẽ được đăng vào tháng 8 và đăng ký trên trang web ký túc xá (<a href="http://dormitory.cau.ac.kr">http://dormitory.cau.ac.kr</a>).</li> </ul>
---------------------------------------	--

<b>Tiêu chuẩn xét duyệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dựa trên thành tích xét tuyển nhập học</li> </ul>
-----------------------------	--

<b>Cơ sở vật chất tiện ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mỗi phòng đều được trang bị mạng LAN có dây và không dây.</li> <li>Có phòng hội thảo, phòng máy tính, máy in đa chức năng, phòng sinh hoạt chung, phòng giặt, v.v.</li> <li>Bao gồm nhà ăn ký túc xá, phòng gym, cửa hàng tiện lợi, quán cà phê, v.v.</li> </ul>
--------------------------------	---

<b>Căn tin</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Căn tin (Bluemir Hall tòa 308, tòa 309): Phục vụ thường xuyên các món Hàn, Âu, Trung.</li> </ul>
----------------	---

<b>Một số nội dung khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều kiện nhập ký túc xá và phương thức tuyển chọn tuân theo quy định của ký túc xá.</li> <li>Phí ký túc xá và sức chứa được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2026 và có thể thay đổi.</li> <li>Vui lòng tham khảo thông báo trên trang web của ký túc xá để biết thêm thông tin về đăng ký và xét duyệt.</li> <li>Liên hệ: Ký túc xá cơ sở Seoul ☎ 02)820-6672.</li> </ul>
-----------------------------	---

## 2. Cơ sở Anseong

Toàn cảnh



Cơ sở vật chất



Tòa Yeji 1~3, Tòa Myeongdeok 1~3

<b>Sức chứa</b>	Tổng 1,944 người	
Nam	612 người	※ Không bao ký túc xá dành cho vận động viên và các ký túc xá khác.
Nữ	1,332 người	

<b>Phí</b>	※ Phí ký túc xá được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2026 và tính theo từng học kỳ. ※ Trong kỳ nghỉ, phí ký túc xá sẽ được áp dụng theo bảng phí lưu trú ngắn hạn.							
	Nam				Nữ			
16 tuần (trong kỳ)	Tòa Yeji 2		Tòa Yeji 3	Tòa Yeji 1		Tòa Myeongdeok 1,2	Tòa Myeongdeok 3	Tòa 708 (Tòa Phúc lợi)
	Phòng đơn	Phòng đôi	Phòng đôi/ 3	Phòng đơn	Phòng đôi	Phòng đôi	Phòng đôi	Phòng đơn
	1,280,000 won	899,000 won	982,000 won	1,280,000 won	899,000 won	899,000 won	951,000 won	1,437,000 won
8 tuần (kỳ nghỉ)	Phòng đơn (Nam / Nữ)			Phòng đôi (Nam / Nữ)				
	14,000 won / 1 ngày			11,000 won / 1 ngày				

<b>Cách thức và thời gian đăng ký</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vui lòng kiểm tra thông báo từ Phòng Hợp tác Quốc tế dự kiến sẽ được đăng vào tháng 8 và đăng ký trên trang web ký túc xá (<a href="http://dorm.cau.ac.kr">http://dorm.cau.ac.kr</a>).</li> </ul>
---------------------------------------	--

<b>Tiêu chuẩn xét duyệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dựa trên thành tích xét tuyển nhập học</li> </ul>
-----------------------------	--

<b>Cơ sở vật chất tiện ích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phòng máy tính, phòng đọc sách, phòng học nhóm, phòng giặt</li> <li>Phòng sinh hoạt chung được trang bị truyền hình vệ tinh, máy bán hàng tự động, lò vi sóng, v.v.</li> <li>Mỗi phòng đều có mạng LAN có dây và không dây</li> <li>Phòng gym, phòng tập thể dục tổng hợp, sân cầu lông, phòng giảng dạy kỹ năng sống, v.v.</li> </ul>
--------------------------------	---

<b>Một số nội dung khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều kiện nhập ký túc xá và phương thức tuyển chọn tuân theo quy định của ký túc xá.</li> <li>Phí ký túc xá và sức chứa được áp dụng theo tiêu chuẩn năm học 2026 và có thể thay đổi.</li> <li>Vui lòng tham khảo thông báo trên trang web của ký túc xá để biết thêm thông tin về đăng ký và xét duyệt.</li> </ul> ※ Liên hệ: Ký túc xá cơ sở Anseong ☎ 031) 670-3480
-----------------------------	---

### 3 BẢN ĐỒ

Bản đồ	VR Tour		Hướng dẫn đường đến
	Cơ sở Seoul	Cơ sở Anseong	
 <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=610">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=610</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/vr2/020/seoul/">https://www.cau.ac.kr/vr2/020/seoul/</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/vr2/020/anseong/">https://www.cau.ac.kr/vr2/020/anseong/</a>	 <a href="https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=290">https://www.cau.ac.kr/cms/FR_CON/index.do?MENU_ID=290</a>

#### Cơ sở Seoul



101관(영신관) / 102관(약학대학 및 R&D센터) / 103관(파이퍼홀) / 104관(수림과학관) / 105관(제1의학관) / 106관(제2의학관) / 107관(학생회관) / 108관(108관)

201관(본관) / 202관(전산정보관) / 203관(서라벌홀) / 204관(중앙도서관) / 207관(봅스트홀) / 208관(제2공학관) / 209관(창업보육관)

301관(중앙문화예술관) / 302관(대학원) / 303관(법학관) / 304관(미디어공연영상관) / 305관(교수연구동 및 체육관) / 307관(글로벌하우스) / 308관(블루미르홀308관) / 309관(블루미르홀309관) / 310관(100주년기념관)

A(부속유치원) / B(부속초등학교) / C(부속중학교) / D(중앙대학교병원) / E(휴처하우스)

Cơ sở Anseong



601관(교직원회관 1관) / 602관(교직원회관 2관) / 603관(교직원회관 3관) / 605관(제1음악관) / 606관(제2음악관) / 607관(영신음악관) / 608관(국악관) / 609관(산학협력관) / 610관(학생복지관) / 611관(학생회관)

701관(예지1동) / 702관(예지2동) / 703관(예지3동) / 704관(명덕1동) / 705관(명덕2동) / 706관(명덕3동) / 707관(학생후생관) / 708관(생활복지관)

801관(중앙문화관) / 802관(교수연구관) / 803관(조소관 2관) / 804관(조소관 1관) / 805관(공연영상관 1관) / 806관(공연영상관 2관) / 807관(공예관) / 808관(조형관) / 809관(생명공학관 1관) / 810관(원형관) / 811관(창업보육관 1관) / 812관(선수생활관) / 813관(대학교회)

901관(본관) / 902관(중앙도서관) / 903관(승차장) / 904관(생명공학관 2관) / 905관(생명공학관 3관) / 906관(창업보육관 2관) / 907관(수림체육관) / 908관(체육관(농구장))

A(정문) / B(골프장) / C(대운동장) / D(버스 기사 대기실) / E(축구장) / F(야구장)